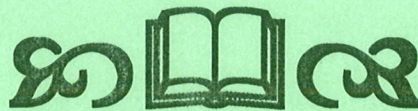




**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**  
CII BRIDGES AND ROADS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

oOo

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Quý 4 năm 2019**



**Ngày 31 tháng 12 năm 2019**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>971.622.216.094</b>	<b>1.475.906.629.674</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>70.292.549.741</b>	<b>120.592.676.434</b>
1 Tiền	111		23.951.733.384	22.387.548.042
2 Các khoản tương đương tiền	112		46.340.816.357	98.205.128.392
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>38.416.843.447</b>	<b>33.486.004.391</b>
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.11	38.416.843.447	33.486.004.391
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>766.668.198.072</b>	<b>1.254.506.624.498</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	32.542.861.196	26.886.296.624
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	279.012.146.825	478.498.068.407
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	182.189.435.553	85.472.985.493
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	286.294.336.506	669.971.065.649
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(13.370.582.008)	(6.321.791.675)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>27.721.610.504</b>	<b>29.856.254.874</b>
1 Hàng tồn kho	141		27.721.610.504	29.856.254.874
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>68.523.014.330</b>	<b>37.465.069.477</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	820.257.841	442.441.942
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		65.664.790.188	34.869.131.996
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	2.037.966.301	2.153.495.539



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Năm 2019**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>01/01/2019 VND</b>
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.303.424.423.214</b>	<b>7.886.774.757.101</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.348.285.585.137</b>	<b>1.242.252.008.636</b>
1 Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	231.425.250.000	231.425.250.000
2 Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.116.860.335.137	1.010.826.758.636
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.473.427.313.719</b>	<b>3.047.079.596.406</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	4.703.769.004	6.218.407.485
<i>Nguyên giá</i>	222		20.772.415.915	19.768.089.143
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16.068.646.911)	(13.549.681.658)
2 Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.468.723.544.715	3.040.861.188.921
<i>Nguyên giá</i>	228		4.711.450.741.834	3.962.808.765.731
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.242.727.197.119)	(921.947.576.810)
<b>III Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.865.101.369.717</b>	<b>3.095.995.598.533</b>
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	3.865.101.369.717	3.095.995.598.533
<b>IV Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>781.138.901.897</b>	<b>155.503.877.144</b>
1 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	252	5.11	781.138.901.897	155.503.877.144
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>5.11</b>	<b>835.471.252.744</b>	<b>345.943.676.382</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	544.029.006.594	328.985.805.930
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.20	212.487.475.432	-
3 Lợi thế thương mại	269	5.13	78.954.770.718	16.957.870.452
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>11.275.046.639.308</b>	<b>9.362.681.386.775</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
**Năm 2019**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.340.811.319.195</b>	<b>5.870.098.964.819</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.468.847.008.783</b>	<b>1.999.186.753.749</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	304.201.794.679	46.258.974.909
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	465.673.068.166	3.728.755.037
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	41.601.398.005	49.885.708.593
4 Phải trả người lao động	314	5.18	4.808.753.775	828.773.360
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	47.329.561.474	41.171.820.351
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	623.966.854.210	394.455.562.829
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	977.700.511.587	1.460.435.390.420
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.565.066.887	2.421.768.250
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.871.964.310.412</b>	<b>3.870.912.211.070</b>
1 Phải trả dài hạn khác	337	5.18	6.876.530.948	1.348.803.948
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	4.751.657.804.232	3.756.133.431.890
3 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.20	113.429.975.232	113.429.975.232
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.934.235.320.113</b>	<b>3.492.582.421.956</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>3.934.235.320.113</b>	<b>3.492.582.421.956</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>1.928.547.650.000</i>	<i>1.928.547.650.000</i>
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		84.350.191.065	66.007.873.083
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		993.838.050.151	654.195.456.683
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>654.173.576.006</i>	<i>545.157.468.347</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>339.664.474.145</i>	<i>109.037.988.336</i>
5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		923.841.680.801	840.173.694.094
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>11.275.046.639.308</b>	<b>9.362.681.386.775</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2020



**Dương Thị Nhung**  
Người lập biểu



**Nguyễn Văn Chính**  
Kế toán trưởng



**Phạm Thế Chính**  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Năm 2019**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		187.760.351.758	148.861.374.405	733.698.220.254	617.422.287.344
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.595.312.936	4.122.377.739	19.209.251.128	16.871.695.631
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	5.22	184.165.038.822	144.738.996.666	714.488.969.126	600.550.591.713
4 Giá vốn hàng bán	11	5.23	61.992.396.919	44.574.345.144	230.081.314.903	192.995.454.717
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		122.172.641.903	100.164.651.522	484.407.654.223	407.555.136.996
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	69.157.840.862	42.323.810.342	263.081.555.769	309.773.996.048
7 Chi phí tài chính	22	5.25	37.850.249.962	27.549.017.831	172.927.667.518	216.221.629.111
Trong đó chi phí lãi vay	23		37.850.249.962	27.480.857.494	172.896.156.884	216.153.468.774
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	5.11	1.113.292.938	3.107.809.457	(399.104.314)	(107.235.777)
9 Chi phí bán hàng	25	5.26	12.155.156.628	8.066.968.866	37.377.508.431	30.801.198.468
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.27	39.071.413.480	31.756.050.926	116.783.435.435	137.575.625.498
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-25+26]	30		103.366.955.633	78.224.233.698	420.001.494.294	332.623.444.190
12 Thu nhập khác	31	5.28	1.196.907.657	96.000.000	1.607.613.091	1.158.898.849
13 Chi phí khác	32	5.29	6.801.810.393	214.336.745	9.269.302.329	1.746.466.341
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(5.604.902.736)	(118.336.745)	(7.661.689.238)	(587.567.492)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		97.762.052.897	78.105.896.953	412.339.805.056	332.035.876.698
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.31	7.705.470.099	12.720.633.753	47.283.514.705	53.794.355.090
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.20	(27.382.612.914)	-	(212.487.475.432)	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		117.439.195.712	65.385.263.200	577.543.765.783	278.241.521.608
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		78.644.294.415	42.468.362.386	360.285.957.859	185.856.905.188
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		38.794.901.297	22.916.900.814	217.257.807.924	92.384.616.420
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.32	404	214	1.854	953

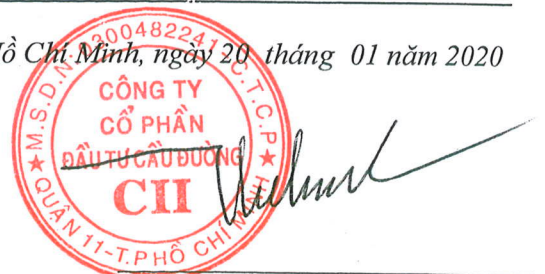
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2020



**Dương Thị Nhung**  
Người lập biểu



**Nguyễn Văn Chính**  
Kế toán trưởng



**Phạm Thế Chính**  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>412.339.805.056</b>	<b>332.035.876.698</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>		-	-
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	02	247.970.326.433	235.364.427.040
Các khoản dự phòng	03	7.048.790.333	86.609.181
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(70.909)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(262.650.940.821)	(309.598.529.025)
Chi phí lãi vay	06	172.896.156.884	216.153.468.774
Các khoản điều chỉnh khác	07	18.754.685.136	16.439.384.060
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>596.358.823.021</b>	<b>490.481.165.819</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(73.419.882.256)	71.219.166.896
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.093.578.617	15.212.032.044
Tăng, giảm các khoản phải trả <i>(không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)</i>	11	33.693.179.051	(127.208.243.527)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(16.907.061.896)	11.296.352.621
Tiền lãi vay đã trả	14	(257.519.111.058)	(274.316.382.523)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(56.842.179.453)	(35.230.916.267)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>226.457.346.026</b>	<b>151.453.175.063</b>
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(590.318.574.806)	(753.254.346.820)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	245.697.309.260
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(249.923.839.056)	(123.459.209.217)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	145.324.234.872	311.274.740.657
5 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.497.952.759	-
6 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.071.065.587	70.795.908.635
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(685.349.160.644)</b>	<b>(248.945.597.485)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

**Năm 2019**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(16.446.795.572)
2 Tiền thu từ đi vay	33	926.578.171.301	1.226.248.732.832
3 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(517.986.483.376)	(1.701.250.470.457)
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(61.987.291.739)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>408.591.687.925</b>	<b>(553.435.824.936)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(50.300.126.693)</b>	<b>(650.928.247.358)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	120.592.676.434	771.520.852.883
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	70.909
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	70.292.549.741	120.592.676.434

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2020



**Dương Thị Nhung**  
Người lập biểu



**Nguyễn Văn Chính**  
Kế toán trưởng



**Phạm Thế Chính**  
Tổng Giám đốc

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thế Chính - Quốc tịch Việt Nam, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CII”), Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,46%.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng

### **1.3. Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ kế toán**

Ngày 20 tháng 12 năm 2018, Bộ Giao thông Vận tải đã chấp thuận việc Công ty nhận 51% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc. Các thủ tục chuyển nhượng được hoàn tất trong tháng 1 năm 2019, do đó, Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên chính thức trở thành công ty con vào ngày 21 tháng 1 năm 2019. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên là doanh nghiệp dự án thực hiện dự án đầu tư xây dựng Cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, nối tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh theo hình thức hợp đồng B.O.T.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN/HN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****1.3 Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ kế toán (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty TNHH Phát triển Cầu đường CII, một công ty con do Công ty sở hữu 99,99% vốn, đã được giải thể theo Quyết định số 01/QĐ-HĐTV ngày 25 tháng 2 năm 2019 của Hội đồng Thành viên công ty này. Theo đó Công ty TNHH Phát triển Cầu đường CII đã hoàn tất các nghĩa vụ chấm dứt hiệu lực mã số thuế và đã nộp đủ số thuế theo Giấy xác nhận số 13902/CT-KK ngày 20 tháng 10 năm 2019 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
1/ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	TP.HCM	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2/ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	TP.HCM	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3/ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	TP.HCM	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua TP. Phan Rang - Tháp Chàm
4/ Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	TP.HCM	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5/ Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	TP.HCM	99,99%	99,99%	Đầu tư vào công ty dự án cầu đường
6/ Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	TP.HCM	51%	51%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T xây dựng Cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
7/ Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,71%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án xây dựng Cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60.
8/ Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án đầu tư nâng mở rộng đường ĐT 741.
<i>(Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)</i>				
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương-Mỹ Thuận	TP.HCM	50%	50%	Đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.

**THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm : Bắt đầu từ ngày 01/01/2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2019 kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty và các Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

##### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

##### **Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ**

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

##### **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

##### *Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)

*Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất*

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (tiền): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (nợ phải thu): Đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

###### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

###### *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

###### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

###### *Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). 'Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập. Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý, việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

##### Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu về cho vay là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

##### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 do Bộ Tài chính ban hành.

##### ***Tài sản cố định hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### ***Tài sản cố định vô hình***

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được Nhà nước chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí của dự án.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T mà Công ty đầu tư vốn từ ban đầu là chi phí phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

###### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

###### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

###### ***Doanh thu thu phí giao thông***

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường dưới các hình thức theo mức quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

###### ***Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T***

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

###### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

###### ***Doanh thu thực hiện hợp đồng xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

##### **Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

##### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

##### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay (tiếp theo)**

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

##### **Nguyên tắc và phương pháp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

##### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

##### **Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT.**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.236.467.374	526.848.814
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.715.266.010	21.860.699.228
Các khoản tương đương tiền (i)	46.340.816.357	98.205.128.392
<b>Cộng</b>	<b>70.292.549.741</b>	<b>120.592.676.434</b>

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn gốc dưới 3 tháng.

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Phải thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>30.439.603.260</b>	<b>24.783.038.688</b>
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị Số 1	2.945.801.731	2.943.324.734
Công ty Cổ phần ĐTVT Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	2.824.178.378
Công ty Cổ phần Cầu 14	2.505.072.658	2.505.072.658
Công ty Cổ phần Phát triển Đường Cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	1.321.079.368	1.321.079.368
Công ty 7/5 - Quận Khu 7	1.217.062.314	1.217.062.314
Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao Thông 1	1.074.490.879	1.074.490.879
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Thái Sơn	1.018.100.000	1.018.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Biên	807.913.550	807.913.550
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 17 Thăng Long	796.272.960	796.272.960
Liên danh Công ty Trường Sơn - Tây Bắc	669.898.000	669.898.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.038.431.059	5.860.942.080
<b>Phải thu về chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp</b>	<b>2.103.257.936</b>	<b>2.103.257.936</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	2.103.257.936	2.103.257.936
<b>Cộng</b>	<b>32.542.861.196</b>	<b>26.886.296.624</b>

*Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan*

Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	422.400.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	-	78.792.086
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>78.792.086</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN/HN

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Trả trước cho các nhà thầu thi công dự án B.O.T</b>	<b>266.243.591.459</b>	<b>373.734.417.256</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (E&C)	151.267.806.829	183.556.633.794
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Huyện Mỏ Cày Bắc	45.626.195.184	43.477.638.984
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Huyện Mỏ Cày Nam	54.923.544.300	51.898.180.000
Công ty Cổ phần LICOGI 13	-	17.433.126.832
Công ty Xây dựng 123	-	21.918.754.650
Công ty TNHH Thu Trang	-	15.092.408.803
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành Đạt	-	19.934.302.875
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	4.413.054.850	4.413.054.850
Trung tâm phát triển quỹ đất Ninh Thuận	3.044.517.319	2.535.968.519
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	1.710.363.237	1.710.363.237
Viện Khoa học và Công nghệ GTVT	940.004.067	940.004.067
Công ty TNHH Xây dựng Phú Vinh	916.610.207	916.610.207
Các nhà thầu khác	3.401.495.466	9.907.370.438
<b>Trả trước tiền nhận chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính</b>	<b>5.820.497.512</b>	<b>101.820.497.512</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	5.820.497.512	5.820.497.512
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	96.000.000.000
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>6.948.057.854</b>	<b>2.943.153.639</b>
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	850.000.000	850.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế B.R	132.603.000	132.603.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công nghệ Điện tử- Viễn thông	1.596.706.522	-
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	-	-
Trả trước cho người bán khác	4.368.748.332	1.960.550.639
<b>Cộng</b>	<b>279.012.146.825</b>	<b>478.498.068.407</b>
<i>Trong đó, trả trước cho người bán các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (E&C)	151.267.806.829	183.556.633.794
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	123.772.000	-
<b>Cộng</b>	<b>151.391.578.829</b>	<b>183.556.633.794</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN/HN

**5.4 Phải thu về cho vay**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>413.614.685.553</b>	<b>85.472.985.493</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (ii)	127.646.443.331	46.520.670.425
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Tài chính Lâm Viên (iii)	30.000.000.000	31.579.315.068
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	8.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư TM XD Hoa Lư	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty XD 123- CN Tổng Công ty XD Công trình Giao thông 1	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành Đạt	3.400.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	4.943.000.000	-
Công ty Cổ phần LICOGI 13	2.000.000.000	-
Các đối tượng khác	199.992.222	1.373.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>231.425.250.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (j)		231.425.250.000
<b>Cộng</b>	<b>413.614.685.553</b>	<b>316.898.235.493</b>
<i>Trong đó, phải thu về cho vay các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (ii)	127.646.443.331	46.520.670.425
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	8.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	4.943.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>140.589.443.331</b>	<b>51.520.670.425</b>

- (i) Khoản cho vay theo hợp đồng đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để góp vốn vào Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay được gia hạn thanh toán đến ngày 30 tháng 06 năm 2021. Lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu tại Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận.
- (ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty CII sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 với lãi suất được hưởng trong kỳ là 11%/năm.
- (iii) Khoản cho vay theo hợp đồng đã ký ngày 6 tháng 2 năm 2018 với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Lâm Viên. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 18 tháng 4 năm 2020, tuy nhiên Công ty có thể thu hồi trước hạn khi có nhu cầu về vốn. Lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Khoản cho vay này được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Tư vấn Chứng khoán Việt Thành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN/HN

**5.5 Phải thu khác**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
<b>Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi</b>	<b>101.193.836.261</b>	<b>72.105.156.384</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	94.949.708.704	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Yên Khánh (i)	-	67.856.509.808
Công ty Cổ phần Hoàng An	-	2.164.201.375
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	233.260.274	368.717.194
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Tài chính Lâm Viên	3.780.526.871	681.334.537
Lãi tiền gửi phải thu	464.275.424	739.065.781
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (E&C)	1.184.666.666	203.608.333
Công ty XD 123- CN Tổng Công ty XD Công trình Giao thông 1	284.590.665	-
Các đối tượng khác	296.807.657	91.719.356
<b>Phải thu lãi vốn chủ</b>	<b>20.499.760.615</b>	<b>20.309.398.447</b>
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, TP Phan Rang-Tháp Chàm	18.945.047.304	18.754.685.136
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	1.554.713.311	1.554.713.311
<b>Các khoản chi hộ</b>	<b>4.815.725.551</b>	<b>4.851.774.321</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>159.785.014.079</b>	<b>572.704.736.497</b>
Phải thu tiền gốc đầu tư dự án Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận - Công ty Cổ phần Tập đoàn Yên Khánh (i)	-	462.850.380.000
Khoản tạm ứng lợi nhuận và thu hồi vốn đầu tư cổ đông không kiểm soát của Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miếu	94.068.637.017	55.733.219.694
Chi phí đầu tư các dự án không được cơ quan Nhà nước quyết toán, chờ thu hồi lại của các nhà thầu và các bên liên quan khác	20.046.416.593	20.937.742.451
Khoản trả trước tiền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.782.660.000	2.782.660.000
Tạm ứng lợi nhuận cổ đông không kiểm soát (Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy)	499.541.155	499.541.155
Tạm ứng lợi nhuận cổ đông không kiểm soát của Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miếu (Tổng Công ty XDCT Giao thông 6)	-	467.823.969
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	1.172.807.000	1.865.587.000
Tiền hỗ trợ lãi suất tại Quỹ Đầu tư Bình Dương	1.300.785.749	1.300.785.749
Phải thu khoản tạm ứng	721.537.290	684.613.107
Phải thu khoản nộp 1% đảm bảo các công trình	455.871.841	455.871.841
Đặt cọc ký quỹ, ký cược	14.000.000	14.000.000
Các khoản phải thu khác	38.722.757.434	25.112.511.531
<b>Cộng</b>	<b>286.294.336.506</b>	<b>669.971.065.649</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B09 - DN/HN

**5.5 Phải thu khác (tiếp theo)**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.047.439.214.714	846.503.339.022
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, TP Phan Rang - Tháp Chàm	41.047.602.502	59.389.836.291
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	28.373.517.921	29.928.231.233
Lãi cho vay phải thu - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	-	75.005.352.090
<b>Cộng</b>	<b>1.116.860.335.137</b>	<b>1.010.826.758.636</b>
<b>Cộng các khoản phải thu</b>	<b>1.403.154.671.643</b>	<b>1.680.797.824.285</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII)	3.010.360.274	3.145.817.194
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	5.823.982.308	6.516.763.308
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	1.184.666.666	203.608.333
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	77.158.736	-
<b>Cộng</b>	<b>10.096.168.984</b>	<b>9.866.188.835</b>

- (i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Yên Khánh bao gồm vốn 462.850.380.000 VND và lãi hợp tác đầu tư theo hợp đồng BCC ký ngày 10 tháng 8 năm 2017. Theo đó, Công ty hợp tác với Công ty Cổ phần Tập đoàn Yên Khánh để đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận (doanh nghiệp dự án) với số tiền là 462.850.380.000 VND và số tiền hợp tác này đã được Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận xác nhận là vốn góp của Công ty CII B&R, tương ứng với 30% vốn điều lệ theo biên bản đối chiếu ngày 8 tháng 5 năm 2019. Vì vậy, Công ty tiến hành các thủ tục tăng tỷ lệ vốn góp tương ứng với khoản vốn này và không phát sinh chi phí sử dụng vốn. Do đây là vốn góp nên lãi hợp tác đầu tư 92.291.152.782 VND phát sinh từ ngày 22/08/2017 đến ngày 30/09/2019 được cản trừ vào khoản phải trả cho Công ty CII theo Biên bản thỏa thuận ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2019		01/01/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cầu 14	2.505.072.658	-	2.505.072.658	2.505.072.658	2.505.072.658
Phải thu khách hàng từ thi công công trình	4.283.734.690	45.675.796	4.238.058.894	937.166.417	891.490.621
Công ty Cổ phần Phát triển Đường cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	1.321.079.368	-	1.321.079.368	1.321.079.368	1.321.079.368
Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông I	1.074.490.879	-	1.074.490.879	1.074.490.879	1.074.490.879
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tài Nguyên	529.658.149	-	529.658.149	529.658.149	529.658.149
Công ty Cường Thuận IDICO	891.822.100	-	891.822.100	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 17 Thăng Long	796.272.960	-	796.272.960	-	-
Chi nhánh Công Cổ phần Đầu tư Long Biên	723.234.000	-	723.234.000	-	-
Liên danh Công ty Trường Sơn - Tây Bắc	669.898.000	-	669.898.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 14	620.995.000	-	620.995.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.416.257.804</b>	<b>45.675.796</b>	<b>13.370.582.008</b>	<b>6.367.467.471</b>	<b>6.321.791.675</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.531.089.304	-	29.587.501.338	-
<i>Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác</i>	25.207.545.926	-	25.207.545.926	-
<i>Chi phí thi công lắp đặt, duy tu dở dang</i>	2.323.543.378	-	4.297.758.117	-
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	-	-	82.197.295	-
Hàng hóa	190.521.200	-	268.753.536	-
<b>Cộng</b>	<b>27.721.610.504</b>	<b>-</b>	<b>29.856.254.874</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó, chi phí đầu tư dự án B.O.T bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	25.207.545.926	-	25.207.545.926	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CUI**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.8 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2019	7.842.894.831	5.728.217.718	4.641.492.704	1.555.483.890	19.768.089.143
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất	-	51.818.182	952.508.590	-	1.004.326.772
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	7.842.894.831	5.780.035.900	5.594.001.294	1.555.483.890	20.772.415.915
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Tại ngày 01/01/2019	4.781.721.993	4.546.604.800	2.996.424.815	1.224.930.050	13.549.681.658
Khấu hao trong năm	237.769.156	966.211.663	602.940.990	31.798.500	1.838.720.309
Tăng do hợp nhất	-	51.818.182	628.426.762	-	680.244.944
Tại ngày 31/12/2019	5.019.491.149	5.564.634.645	4.227.792.567	1.256.728.550	16.068.646.911
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2019	3.061.172.838	1.181.612.918	1.645.067.889	330.553.840	6.218.407.485
Tại ngày 31/12/2019	2.823.403.682	215.401.255	1.366.208.727	298.755.340	4.703.769.004

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

**5.070.292.248**

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>3.961.310.616.731</b>	<b>733.149.000</b>	<b>765.000.000</b>	<b>3.962.808.765.731</b>
Mua trong năm	104.545.455	-	-	104.545.455
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.387.430.400	-	-	1.387.430.400
Tăng do hợp nhất	752.730.633.886	-	-	752.730.633.886
Điều chỉnh giảm giá trị quyền thu phí (i)	(5.530.633.638)	-	-	(5.530.633.638)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>4.710.002.592.834</b>	<b>733.149.000</b>	<b>715.000.000</b>	<b>4.711.450.741.834</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>921.688.943.793</b>	<b>-</b>	<b>258.633.017</b>	<b>921.947.576.810</b>
Khấu hao trong năm	232.450.082.104	-	187.884.819	232.637.966.923
Tăng do hợp nhất	88.159.141.964	-	-	88.159.141.964
Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	(17.488.578)	(17.488.578)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>1.242.298.167.861</b>	<b>-</b>	<b>429.029.258</b>	<b>1.242.727.197.119</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>3.039.621.672.938</b>	<b>733.149.000</b>	<b>506.366.983</b>	<b>3.040.861.188.921</b>
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>3.467.704.424.973</b>	<b>733.149.000</b>	<b>285.970.742</b>	<b>3.468.723.544.715</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp cầm cố đảm bảo khoản vay 3.141.926.746.220

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 125.000.000

(i) Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh giảm nguyên giá của quyền thu phí giao thông hoàn vốn dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các quyền thu phí để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, quyền thu phí giao thông của Công ty bao gồm:

**5.9 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, quyền thu phí giao thông của Công ty bao gồm:

**a. Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tại ngày là 581.138.260.482 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Việc thu phí hoàn vốn đã chính thức được thực hiện từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 30% doanh thu thu phí của dự án. Công ty đã đăng ký với Chi Cục thuế về phương pháp và tỷ lệ khấu hao.

Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

**b. Quyền thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.641.158.336.743 VND. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 10% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

**c. Quyền thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ đường ĐT 741**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 có nguyên giá là 672.113.302.847 VND. Hợp đồng dự án gộp số 2654/2009/HĐĐA - BOT ngày 9 tháng 9 năm 2009 ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 8 năm 2006. Từ năm 2017, quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ lệ 7,77% doanh thu phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 VND, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

**5.9 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

**d. Quyền thu phí giao thông cầu Rạch Miễu**

Công ty được phép thu phí giao thông tại Cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang. Đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Nguyên giá của tài sản được ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra và được tính vào giá trị của dự án là 495.607.637.262 VND. Công ty thực hiện khấu hao quyền thu giá này theo doanh thu với tỷ lệ là 28% từ năm 2014 đến năm 2018.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu thống nhất lại thời gian thu phí của dự án là 12 năm 03 tháng và kết thúc ngày 10 tháng 7 năm 2021. Do đó, Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí của dự án này theo doanh thu với tỷ lệ là 32% kể từ năm 2019 cho đến khi kết thúc thời gian thu phí dự án và đã đăng ký tỷ lệ khấu hao này với Cục thuế Tỉnh Bến Tre tại công văn số 193/TCKT-BOT ngày 27 tháng 5 năm 2019.

Tại ngày mua Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu - doanh nghiệp đầu tư và quản lý trực tiếp dự án này, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con theo phương pháp chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai từ hoạt động thu phí. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 290.719.123.179 VND. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm đến ngày dự kiến kết thúc thời gian thu phí, phù hợp với thời gian phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con này.

**e. Quyền thu phí giao thông cầu Cổ Chiên**

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên trong kỳ, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 752.835.179.341 VND, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 20% doanh thu thu phí của dự án.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các quyền thu phí để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*chi tiết xem tại Thuyết minh số 5.19*).



**5.10 Phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	2.861.661.948.397	2.640.050.508.159
Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến QL 60 nối cầu Rạch Miễu và cầu Cổ Chiên (ii)	980.702.720.399	447.868.693.272
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	22.736.700.921	3.477.412.171
Dự án đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	-	3.207.762.000
Các dự án khác	-	1.391.222.931
<b>Cộng</b>	<b>3.865.101.369.717</b>	<b>3.095.995.598.533</b>
<i>Trong đó, phí xây dựng cơ bản dở dang các bên liên quan</i>	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	20.249.204.742	-
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	216.206.528	-
<b>Cộng</b>	<b>20.465.411.270</b>	-

- (i) Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội được thực hiện theo Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao số 03/2009/HĐ-B.O.T ngày 25 tháng 11 năm 2009 và phụ lục hợp đồng số 3027/2018/PLHĐ-B.O.T ngày 09 tháng 07 năm 2018 ký với Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Tổng mức đầu tư đã được điều chỉnh của dự án (không bao gồm chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu và thuế VAT) là 4.905.857.000.000 VND, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 20% và 80%. Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội (nhằm hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội), quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội để thế chấp cho các khoản vay.
- (ii) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối Cầu Rạch Miễu đến Cầu Cổ Chiên, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2) theo hình thức hợp đồng B.O.T được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Tổng mức đầu tư của dự án (giai đoạn 2) là 1.752.053.000.000 VND, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 30% và 70%. Thời gian thu phí hoàn vốn đầu tư ước tính khoảng 14 năm 8 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.11 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Tiền gửi có kỳ hạn	33.082.394.358	33.082.394.358	28.151.555.302	28.151.555.302
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác	5.334.449.089	5.334.449.089	5.334.449.089	5.334.449.089
<b>Cộng</b>	<b>38.416.843.447</b>	<b>38.416.843.447</b>	<b>33.486.004.391</b>	<b>33.486.004.391</b>

**b. Đầu tư vào công ty liên doanh**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận/(lỗ) sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận/(lỗ) sau ngày đầu tư VND
Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	780.517.609.067	621.292.830	154.483.480.000	1.020.397.144
<b>Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b>	<b>781.138.901.897</b>	<b>781.138.901.897</b>	<b>155.503.877.144</b>	<b>155.503.877.144</b>

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các công ty này chưa thực hiện nhiệm vụ cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời, các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty nêu trên.

5.11 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh (tiếp theo)

Trong năm, giá trị của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Giá trị ghi sổ tại thời điểm đầu kỳ</b>	<b>155.503.877.144</b>	<b>157.624.516.777</b>
<b>Thay đổi trong kỳ</b>	<b>625.635.024.753</b>	<b>(4.864.412.084)</b>
Ghi nhận góp vốn vào dự án Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	623.061.084.547	-
Chi phí phát sinh liên quan dự án Trung Lương - Mỹ Thuận	2.973.044.520	-
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	(399.104.314)	(107.235.777)
Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh, liên kết	-	(4.651.176.308)
Điều chỉnh giảm khác	-	(105.999.999)
<b>Giá trị ghi sổ tại thời điểm cuối kỳ</b>	<b>781.138.901.897</b>	<b>152.760.104.693</b>

(i) Theo Nghị Quyết 15/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/6/2019 của Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu lên 50% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận.

5.12 Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>820.257.841</b>	<b>442.441.942</b>
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	177.308.235	208.663.200
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	68.355.996	57.463.134
Chi phí khác chờ phân bổ	574.593.610	176.315.608
<b>b. Dài hạn</b>	<b>544.029.006.594</b>	<b>328.985.805.930</b>
<i>Chi phí lãi vay của các dự án B.O.T (i)</i>	<i>517.532.624.536</i>	<i>296.478.275.380</i>
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	293.570.283.268	184.925.644.745
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua TP. Phan Rang - Tháp Chàm	96.461.225.566	103.688.734.619
Dự án xây dựng Cầu Cỏ Chiên	96.438.852.641	-
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	31.062.263.061	7.863.896.016
<b>Dài hạn khác</b>	<b>26.496.382.058</b>	<b>32.507.530.550</b>
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	24.189.669.356	32.501.300.150
Chi phí khác chờ phân bổ	2.306.712.702	6.230.400
<b>Cộng</b>	<b>544.849.264.435</b>	<b>329.428.247.872</b>

Trong đó, chi phí trả trước bên liên quan

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	-	7.468.968.330
--------------------------------------	---	---------------

(i) Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua TP. Phan Rang - Tháp Chàm là 10% ; Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 20% và dự án Cầu Cỏ Chiên là 11%. Tỷ lệ phân bổ của dự án Xa Lộ Hà Nội sẽ được xác định khi dự án chính thức được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.13 Lợi thế thương mại**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2019	201.975.395.794
Hợp nhất kinh doanh trong kỳ (i)	75.490.539.467
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>277.465.935.261</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2019	185.017.525.342
Phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	13.493.639.201
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>198.511.164.543</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2019	16.957.870.452
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>78.954.770.718</b>

(i) Ngày 21 tháng 1 năm 2019, Công ty chính thức đạt được quyền kiểm soát Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên với tỷ lệ sở hữu là 51%, do đó Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này.

**5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>01/01/2019 VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (i)	462.850.380.000	-
Khu Quản lý Giao thông Đô thị Số 3	860.780.150	1.398.915.150
Công ty Cổ phần B.O.T Quốc Lộ 20 Lâm Đồng	1.200.000.000	1.200.000.000
Ban Quản lý Chi nhánh Giao thông Vận tải Bến Tre	256.726.111	-
Các đối tượng khác	505.181.905	1.129.839.887
<b>Cộng</b>	<b>465.673.068.166</b>	<b>3.728.755.037</b>
<b>Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (i)	462.850.380.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	-	35.550.000
<b>Cộng</b>	<b>462.850.380.000</b>	<b>35.550.000</b>

(i) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty CII đồng ý nhận chuyển nhượng số cổ phần thuộc sở hữu của Công ty tương đương với 30% vốn điều lệ của Trung Lương - Mỹ Thuận. Do đó số tiền 462.850.380.000 VND mà Công ty CII đã chuyển cho Công ty CII B&R để Công ty CII B&R góp vốn vào Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận (doanh nghiệp dự án) theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 26/2017 ký ngày 15 tháng 8 năm 2017 được chuyển thành khoản ứng trước của Công ty CII để thực hiện thỏa thuận này.

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
<b>Các khoản phải trả người bán</b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	22.606.065.467	22.606.065.467	10.746.238.186	10.746.238.186
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	10.458.081.929	10.458.081.929	6.642.775.172	6.642.775.172
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình 625	7.662.827.603	7.662.827.603	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	91.947.316.503	91.947.316.503	28.869.961.551	28.869.961.551
	<b>132.674.291.502</b>	<b>132.674.291.502</b>	<b>46.258.974.909</b>	<b>46.258.974.909</b>
<b>Phải trả tiền nhận chuyển nhượng cổ phần</b>				
Công ty CII (i)	160.937.503.177	160.937.503.177	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (ii)	10.590.000.000	10.590.000.000	-	-
	<b>171.527.503.177</b>	<b>171.527.503.177</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>304.201.794.679</b>	<b>304.201.794.679</b>	<b>46.258.974.909</b>	<b>46.258.974.909</b>
<i>Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan</i>				
Công ty CII (i)	160.937.503.177	160.937.503.177	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	22.606.065.467	22.606.065.467	10.746.238.186	10.746.238.186
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	18.005.930.855	18.005.930.855	5.639.189.090	5.639.189.090
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	2.670.206.528	2.670.206.528	1.333.333.000	1.333.333.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	-	-	415.455.250	415.455.250
<b>Cộng</b>	<b>204.219.706.027</b>	<b>204.219.706.027</b>	<b>18.134.215.526</b>	<b>18.134.215.526</b>

(i) Theo Hợp đồng ngày 01 tháng 10 năm 2019, Công ty nhận chuyển nhượng 15.428.386 cổ phần của Công ty Cổ phần B.O.T Trung Lương - Mỹ Thuận (Công ty B.O.T) thuộc sở hữu của Công ty CII với giá chuyển nhượng 160.210.704.547 VND và khoản phí bảo lãnh cho toàn bộ cổ phần chuyển nhượng.

(ii) Công ty nhận chuyển nhượng 51% quyền sở hữu vào Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên (doanh nghiệp dự án) từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (Công ty Tuần Lộc) theo hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 09 tháng 4 năm 2018 với giá mua là 106.590.000.00 VND và việc chuyển nhượng này đã được sự chấp thuận của Bộ Giao thông Vận tải tại công văn số 14310/BGTVT-ĐTCT ngày 20 tháng 12 năm 2018. Hiện nay Công ty còn phải trả Công ty Tuần Lộc là 10.590.000.000 VND.



**5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước**

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2019 VND
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.202.041.444	41.150.606.226	40.593.270.225	2.759.377.445
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.257.413.244	47.896.561.652	56.842.179.453	38.311.795.443
Thuế thu nhập cá nhân	426.253.905	1.338.427.654	1.278.762.451	485.919.108
Thuế nhà đất, thuế đất	-	11.394.360	11.394.360	-
Thuế môn bài	-	505.908.584	505.908.584	-
Các khoản phí và lệ phí	-	47.178.067	2.872.058	44.306.009
<b>Cộng</b>	<b>49.885.708.593</b>	<b>90.950.076.543</b>	<b>99.234.387.131</b>	<b>41.601.398.005</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	584.700.676	147.433.608	-	437.267.068
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.551.111	119.556	10.909.091	1.188.340.646
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	17.327.614	17.327.614	-
Tiền thuế đất nộp thừa	391.243.752	46.585.167	-	344.658.585
Các khoản phí và lệ phí	-	-	67.700.002	67.700.002
<b>Cộng</b>	<b>2.153.495.539</b>	<b>211.465.945</b>	<b>95.936.707</b>	<b>2.037.966.301</b>

**5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay	36.525.104.010	35.869.323.156
Chi phí phải trả về thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, duy tu công trình	7.484.752.609	3.312.517.142
Chi phí phải trả khác	3.319.704.855	1.989.980.053
<b>Cộng</b>	<b>47.329.561.474</b>	<b>41.171.820.351</b>

*Trong đó, chi phí phải trả các bên liên quan*

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	1.001.053.376	-
<b>Cộng</b>	<b>1.001.053.376</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.18 Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	90.603.419	6.523.932
Bảo hiểm xã hội	37.292.891	37.292.889
Bảo hiểm y tế	6.045.848	6.045.845
Bảo hiểm thất nghiệp	399.638	399.630
Phải trả người lao động	4.808.753.775	828.773.360
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	95.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</b>	<b>360.528.096.472</b>	<b>197.041.234.220</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	360.435.736.372	196.976.479.700
Các cổ đông thể nhân	92.360.100	64.754.520
<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác.</b>	<b>263.304.415.942</b>	<b>263.304.415.942</b>
Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn	93.883.078.709	21.584.078.709
Phải trả lãi vay hỗ trợ vốn	148.601.204.028	153.018.732.437
Phải trả tiền lãi trái phiếu	7.733.333.334	7.566.666.667
Phải trả MPTC khoản thu hộ mua cổ phiếu và cổ tức	5.551.176.308	5.551.176.308
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6	3.351.653.113	3.351.653.113
Bảo lãnh dự thầu thi công	1.210.027.397	
Khoản thu hộ tiền phụ cấp Hội đồng thành viên	1.300.000.000	3.600.000.000
Phải trả khác	1.673.943.053	68.632.108.708
<b>Cộng</b>	<b>628.775.607.985</b>	<b>461.319.685.818</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Khoản thu hộ tiền phụ cấp Hội đồng thành viên	5.500.000.000	-
Khoản tiền đất nhận trước của các hộ dân		
khu tái định cư dự án ĐT 741	1.236.091.258	1.236.091.258
Các khoản phải trả khác	140.439.690	112.712.690
<b>Cộng</b>	<b>6.876.530.948</b>	<b>1.348.803.948</b>
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM</b>	<b>542.075.880.348</b>	<b>351.666.532.729</b>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	360.435.736.372	196.976.479.700
Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn	93.883.078.709	21.584.078.709
Phải trả lãi vay hỗ trợ vốn	87.757.065.267	133.105.974.320
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII</b>	<b>7.733.333.334</b>	<b>7.566.666.667</b>
Phải trả tiền lãi trái phiếu	7.733.333.334	7.566.666.667
<b>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</b>	<b>60.844.138.761</b>	<b>19.912.758.117</b>
Phải trả lãi hợp tác đầu tư	60.844.138.761	19.912.758.117
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII</b>	<b>76.000.000</b>	<b>76.000.000</b>
Nhận ký quỹ	76.000.000	76.000.000
<b>Cộng</b>	<b>610.729.352.443</b>	<b>379.221.957.513</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	31/12/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	383.544.548.625	383.544.548.625	400.000.000.000	865.014.581.375	848.559.130.000	848.559.130.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	502.692.962.962	502.692.962.962	149.000.000.000	-	353.692.962.962	353.692.962.962
Vay dài hạn đến hạn trả	91.463.000.000	91.463.000.000			258.183.297.458	258.183.297.458
<b>Cộng</b>	<b>977.700.511.587</b>	<b>977.700.511.587</b>	<b>749.000.000.000</b>	<b>1.065.014.581.375</b>	<b>1.460.435.390.420</b>	<b>1.460.435.390.420</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)***Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn*

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	383.544.548.625	12 tháng	31/12/2020	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 4,25%	Đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuán Lộc.	Cổ phần của Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuán Lộc sở hữu.
	<b>383.544.548.625</b>					
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	353.692.962.962	Thanh toán khi bên cho vay yêu cầu		Lãi suất trong kỳ là 10,5%	Tài trợ kinh phí cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.	Không có tài sản đảm bảo.
	149.000.000.000			Lãi suất trong kỳ là 12,5%		
	<b>502.692.962.962</b>					
<b>Cộng</b>	<b>886.237.511.587</b>					

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

**b. Dài hạn**

	31/12/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>4.631.800.489.163</b>	<b>4.631.800.489.163</b>	<b>1.109.725.356.884</b>	<b>280.981.282.001</b>	<b>3.636.336.116.822</b>	<b>3.636.336.116.822</b>
Ngân hàng Vietcombank - CN 11	2.957.756.525.146	2.957.756.525.146	-	70.400.000.000	3.028.156.525.146	3.028.156.525.146
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	748.678.688.515	748.678.688.515	431.898.659.199	98.647.984.543	415.428.013.859	415.428.013.859
Ngân hàng BIDV - CN Tây Sài Gòn	340.049.568.925	340.049.568.925	-	26.088.000.000	366.137.568.925	366.137.568.925
Ngân hàng BIDV - CN TP.HCM	638.422.635.583	638.422.635.583	644.422.635.583	6.000.000.000	-	-
Ngân hàng BIDV - CN Bình Dương	38.356.070.994	38.356.070.994	33.404.062.102	79.845.297.458	84.797.306.350	84.797.306.350
<i>Trừ số phải trả trong 12 tháng tới</i>	<i>(91.463.000.000)</i>	<i>(91.463.000.000)</i>			<i>(258.183.297.458)</i>	<i>(258.183.297.458)</i>
<b>Trái phiếu phát hành</b>	<b>119.857.315.069</b>	<b>119.857.315.069</b>	<b>60.000.001</b>	<b>60.000.001</b>	<b>119.797.315.068</b>	<b>119.797.315.068</b>
Trái phiếu HNHHC 300 tỷ phát hành tháng 5 năm 2017	119.857.315.069		60.000.001	-	119.797.315.068	119.797.315.068
<b>Cộng vay và nợ dài hạn</b>	<b>4.751.657.804.232</b>	<b>4.751.657.804.232</b>	<b>1.109.785.356.885</b>	<b>281.041.282.002</b>	<b>3.756.133.431.890</b>	<b>3.756.133.431.890</b>
<i>Chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan</i>				<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM				383.544.548.625	848.559.130.000	
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm				502.692.962.962	353.692.962.962	
<b>Cộng</b>				<b>886.237.511.587</b>	<b>1.202.252.092.962</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)***Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn*

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	1.679.786.972.974	15 năm	31/12/2029	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10,2%	Đầu tư xây dựng dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội theo hình thức hợp đồng B.O.T.	Toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội, quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án.
	20.600.000.000	-	23/07/2020	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10%	Tài trợ cho Dự án Đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 1.	Quyền thu phí giao thông, các quyền lợi phát sinh khác trong quá trình thu phí thuộc dự án và quyền được nhận số tiền bảo hiểm mọi rủi ro cho tài sản thuộc dự án.
	1.257.369.552.172	15 năm	13/02/2030	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 8,8%-10%	Tài trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T, giai đoạn 2.	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.
	<b>2.957.756.525.146</b>					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	748.678.688.515	15 năm	31/01/2021	Thả nổi, lãi suất trước 01/12/19 lãi suất là 10,21%, từ 01/12/19 lãi suất 9,91%/năm	Đầu tư xây dựng dự án cầu Rạch Miếu, quốc lộ 60 nối tỉnh Tiền Giang và Bến Tre	Tất cả các lợi ích kinh tế thu được từ dự án.
	<b>748.678.688.515</b>					



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)***Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)*

<b>Bên cho vay</b>	<b>Số dư vay</b>	<b>Thời hạn vay</b>	<b>Ngày đáo hạn</b>	<b>Lãi suất vay</b>	<b>Mục đích vay</b>	<b>Tài sản đảm bảo</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	184.480.000.000	8,5 năm	25/11/2023	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,5%	Thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV B.O.T tỉnh Ninh Thuận.	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được trong từ các khoản đầu tư.
	155.569.568.925	7 năm	02/12/2022		Thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH B.O.T cầu Rạch Miễu.	
	<b>340.049.568.925</b>					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	38.356.070.994	7 năm	11/06/2024	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10,5%	Thanh toán kinh phí trung tu đợt 1 và 2 đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương.	Quyền quản lý và thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T và nguồn thu hợp pháp từ các dịch vụ khác trên tuyến đường thu phí hoàn vốn đầu tư dự án.
	<b>38.356.070.994</b>					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	638.422.635.583	216 tháng	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trước 20/07/2019 lãi suất là 11,4%, Từ 21/07/2019 lãi suất được điều chỉnh là 11,5%	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cỏ Chiên - Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và Bến Tre theo hình thức hợp đồng B.O.T.	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản hình thành của dự án, quyền và lợi ích khác phát sinh từ hợp đồng B.O.T.
	<b>638.422.635.583</b>					
<b>Cộng</b>	<b>4.723.263.489.163</b>					

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

*Thông tin bổ sung cho trái phiếu chưa đáo hạn*

Trái phiếu HNHC\_2017 300 tỷ phát hành tháng 5 năm 2017

- Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng
- Số lượng: 300 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII;
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ;
- Ngày phát hành: 19 tháng 5 năm 2017
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 1 năm một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam + biên độ 3,2%/năm.
- Mục đích: Tăng quy mô vốn hoạt động, tài trợ thanh toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

**Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trong vòng một (01) năm	91.463.000.000	258.183.297.458
Trong năm thứ hai (02)	147.969.000.000	87.360.984.543
Từ năm thứ ba (03) đến năm thứ năm (05)	520.573.639.919	537.638.577.817
Sau năm (05) năm	3.963.257.849.244	3.011.336.554.462
<b>Cộng</b>	<b>4.723.263.489.163</b>	<b>3.894.519.414.280</b>
Trừ số phải trả trong 12 tháng tới	(91.463.000.000)	(258.183.297.458)
<b>Cộng</b>	<b>4.631.800.489.163</b>	<b>3.636.336.116.822</b>

**Lịch thanh toán trái phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Từ năm thứ ba (03) đến năm thứ năm (05)	120.000.000.000	120.000.000.000
Trừ các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai	(142.684.931)	(202.684.932)
<b>Cộng</b>	<b>119.857.315.069</b>	<b>119.797.315.068</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.20 Thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (i)	209.487.842.942	-
Khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (ii)	2.999.632.490	-
<b>Cộng</b>	<b>209.487.842.942</b>	<b>-</b>
<b>b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>-</b>	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (iii)	113.429.975.232	113.429.975.232
<b>Cộng</b>	<b>113.429.975.232</b>	<b>113.429.975.232</b>

- (i) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có một khoản thu nhập sẽ được sử dụng để khấu trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội với giá trị là 1.047.439.214.714 VND. Theo hướng dẫn tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trong giai đoạn đầu tư sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí của dự án khi dự án đi vào hoạt động, đồng thời Công ty phải kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Đến thời điểm này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu phí giao thông để hoàn vốn dự án là chắc chắn, do đó Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ đã tính nộp thuế lũy kế đến ngày kết thúc kỳ kế toán.
- (ii) Công ty có ghi nhận khoản thu nhập từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua TP. Phan Rang - Tháp Chàm đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 59.992.649.806 VND. Theo đó xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại của lãi vốn chủ sở hữu là 2.999.632.490 VND. Các năm sau, khi phân bổ lãi vốn chủ sẽ căn trừ vào doanh thu, tài sản thuế thu nhập hoãn lại cũng phải được ghi giảm tương ứng.
- (iii) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời do đánh giá lại giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG và Công ty TNHH B.O.T Cầu Rạch Miễu như đã nêu tại Thuyết minh số 5.9. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả này được ghi nhận theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi là 20% và được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua giá rẻ hoặc lợi thế thương mại khi hợp nhất kinh doanh mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả sẽ được hoàn nhập khi Công ty thanh lý tài sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.21 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>617.644.971.624</b>	<b>51.283.335.276</b>	<b>486.700.922.072</b>	<b>3.087.834.627.068</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	92.384.616.420	-	185.856.905.188	278.241.521.608
Chia cổ tức	-	-	(117.124.241.722)	-	-	(117.124.241.722)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	270.676.000.000	-	-	270.676.000.000
Cổ đông không kiểm soát thoái vốn	-	-	(26.260.175.572)	-	-	(26.260.175.572)
Thay đổi phần sở hữu của Công ty mẹ và lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	2.852.523.344	-	(749.265.409)	2.103.257.935
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	14.724.537.807	(16.590.105.168)	(1.865.567.361)
Chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.023.000.000)	(1.023.000.000)
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>840.173.694.094</b>	<b>66.007.873.083</b>	<b>654.195.456.683</b>	<b>3.492.582.421.956</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	217.257.807.924	-	360.285.957.859	577.543.765.783
Chia cổ tức	-	-	(163.486.862.252)	-	-	(163.486.862.252)
Hợp nhất kinh doanh trong năm	-	-	29.879.873.846	-	-	29.879.873.846
Thoái vốn trong công ty con	-	-	(4.987.434)	-	-	(4.987.434)
Thay đổi phần sở hữu của Công ty mẹ và lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	21.880.677	-	(21.880.677)	-
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	18.342.591.928	(20.621.483.714)	(2.278.891.786)
Điều chỉnh khác	-	-	273.946	(273.946)	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>923.841.680.801</b>	<b>84.350.191.065</b>	<b>993.838.050.151</b>	<b>3.934.235.320.113</b>



5.21 **Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

		<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	54,46%	1.050.324.520.000	1.049.158.520.000
Metro Pacific Tollways Corporation	44,94%	866.666.660.000	866.666.660.000
Vốn góp của đối tượng khác	0,60%	11.556.470.000	12.722.470.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>1.928.547.650.000</b>

**c. Cổ phiếu**

		<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
		<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng			
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND/cổ phiếu			

**d. Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 ngày 23 tháng 4 năm 2019, cổ tức năm 2018 tạm thời chưa được chia cho các cổ đông. Lợi nhuận năm 2018 được tích lũy và chia ở các năm sau khi nguồn thu lợi nhuận từ các dự án đủ để chia theo kế hoạch dòng tiền của Công ty.

Cổ tức năm 2019 được ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, tỷ lệ và hình thức chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty.

5.22 **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018</b>
	<b>đến 31/12/2019</b>	<b>đến 31/12/2018</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>733.698.220.254</b>	<b>617.422.287.344</b>
Doanh thu thi phí giao thông	722.325.161.820	586.713.611.821
Doanh thu từ hoạt động duy tu, xây lắp công trình	9.761.170.205	28.814.955.894
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.611.888.229	1.893.719.629
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>19.209.251.128</b>	<b>19.209.251.128</b>
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	18.754.685.136	16.439.384.060
Giảm giá hàng bán	454.565.992	432.311.571
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>714.488.969.126</b>	<b>598.213.036.216</b>
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	246.197.914	590.892.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.23 Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	220.161.488.604	162.878.842.243
Giá vốn của hoạt động xây dựng, duy tu công trình	9.306.126.409	29.350.161.596
Giá vốn cung cấp dịch vụ	613.699.890	766.450.878
<b>Cộng</b>	<b>230.081.314.903</b>	<b>192.995.454.717</b>

*Trong đó, giá vốn phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	4.671.759.578	2.640.948.941
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	595.324.545	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	2.486.905.596	1.721.005.386
<b>Cộng</b>	<b>7.753.989.719</b>	<b>4.361.954.327</b>

**5.24 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T	200.935.875.692	197.764.389.202
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.711.037.103	47.006.070.194
Lãi phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án cao tốc Trung Lương-Mỹ Thuận	24.434.642.974	49.495.116.915
Lãi trả chậm dự án Cầu Sài Gòn mà UBND TP chưa thanh toán	-	15.508.348.828
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	70.909
<b>Cộng</b>	<b>263.081.555.769</b>	<b>309.773.996.048</b>

*Trong đó, doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	6.862.492.368	17.546.496.395
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	1.206.193.056	248.655.555
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	93.599.014	-
<b>Cộng</b>	<b>8.162.284.438</b>	<b>17.795.151.950</b>

**5.25 Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Chi phí lãi vay	172.896.156.884	216.153.468.774
Lỗ từ thoái vốn công ty con	31.510.634	-
<b>Cộng</b>	<b>172.927.667.518</b>	<b>216.153.468.774</b>

*Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	52.478.176.275	70.488.635.329
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	28.986.389.069	18.312.602.895
<b>Cộng</b>	<b>81.464.565.344</b>	<b>88.801.238.224</b>

**5.26 Chi phí bán hàng**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	23.705.246.530	23.223.235.254
Chi phí lương nhân viên	10.554.597.515	5.976.127.189
Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	2.044.442.906	673.608.235
Chi phí tiếp khách	257.728.747	-
Các khoản chi phí bán hàng khác	815.492.733	928.227.790
<b>Cộng</b>	<b>37.377.508.431</b>	<b>30.801.198.468</b>

*Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	22.303.636.365	21.675.755.201
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	215.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>22.518.636.365</b>	<b>21.675.755.201</b>

**5.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Phân bổ lợi thế thương mại	13.493.639.201	45.271.414.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.707.475.530	62.856.135.362
Chi phí lương nhân viên	19.250.890.214	16.478.396.403
Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	1.440.994.659	1.295.572.345
Chi phí thuê văn phòng	876.878.808	861.031.273
Chi phí tiếp khách	1.893.111.557	2.036.223.409
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	7.048.790.333	5.384.842.984
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.071.655.133	3.392.009.642
<b>Cộng</b>	<b>116.783.435.435</b>	<b>137.575.625.498</b>

*Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	1.028.053.517	1.009.804.500
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.032.053.517</b>	<b>1.009.804.500</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.28 Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Thu nhập từ cho thuê xe	384.000.000	384.000.000
Thu nhập từ xóa các khoản nợ phải trả	-	562.158.462
Các khoản khác	1.223.613.091	212.740.387
<b>Cộng</b>	<b>1.607.613.091</b>	<b>1.158.898.849</b>

*Trong đó, thu nhập khác phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	96.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	384.000.000	288.000.000
<b>Cộng</b>	<b>384.000.000</b>	<b>384.000.000</b>

**5.29 Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Chi phí cho thuê tài sản	1.075.070.867	775.661.902
Các khoản bị phạt	2.554.987.574	936.591.916
Các khoản khác	5.639.243.888	34.212.523
<b>Cộng</b>	<b>9.269.302.329</b>	<b>1.746.466.341</b>

**5.30 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.005.117.527	1.778.125.215
Chi phí nhân công	27.625.925.462	23.877.054.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	178.762.585.479	189.070.451.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.788.498.366	57.060.690.636
Chi phí khác bằng tiền	8.489.942.650	4.720.102.941
<b>Cộng</b>	<b>259.672.069.484</b>	<b>276.506.425.003</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÀU ĐUÔNG CII**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.31 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019		Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	326.486.061.933	85.853.743.123	273.353.268.942	58.682.607.756
<b>Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	1.761.068.657	122.214.240.334	1.997.183.899	150.403.931.076
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	-	399.104.314	-	107.235.777
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo hợp nhất	-	31.510.634	-	-
Phân bổ giá trị của quyền thu phí được định giá lại khi hợp nhất	-	69.048.349.241	-	62.104.088.576
Lợi thế thương mại phân bổ	-	13.493.639.201	-	45.271.414.080
Hoàn nhập lợi nhuận/lỗ chịu thuế bị bù trừ khi hợp nhất	-	23.459.240.283	-	(19.191.087.537)
Chi phí lãi vay không được trừ	-	10.627.352.380	2.070.015.265	61.280.307.803
Lỗ sau thuế được chia từ dự án đầu tư câu Rạch Chiếc	1.761.068.657	-	-	68.160.337
Chi phí loại trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.155.044.281	576.874.189	1.181.820.669
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	(649.705.555)	(418.008.629)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>328.247.130.590</b>	<b>208.067.983.457</b>	<b>275.350.452.841</b>	<b>209.086.538.832</b>
Kết chuyển lỗ	(23.178.040.021)	(54.545.455)	-	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>305.069.090.569</b>	<b>208.013.438.002</b>	<b>275.350.452.841</b>	<b>209.086.538.832</b>
Thu nhập chịu thuế 20%	-	208.013.438.002	-	209.086.538.832
Thu nhập chịu thuế 10%	305.069.090.569	-	275.350.452.841	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>30.506.909.057</b>	<b>41.602.687.600</b>	<b>27.535.045.284</b>	<b>41.817.307.767</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(5.690.926.635)	-	(4.499.218.049)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(12.407.991.211)	-	(11.130.204.898)	-
Điều chỉnh theo kiểm tra của Chi Cục thuế	(6.727.164.106)	-	71.424.986	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.680.827.105</b>	<b>41.602.687.600</b>	<b>11.977.047.323</b>	<b>41.817.307.767</b>
<b>Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>47.283.514.705</b>		<b>53.794.355.090</b>	

**5.31 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

**5.32 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ (VND)	360.285.957.859	215.868.221.707
Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(2.779.252.652)	(2.158.682.218)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>357.506.705.207</b>	<b>183.698.222.970</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	192.854.765	192.854.765
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.854</b>	<b>953</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	463.088.171.301	702.476.732.832
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	754.000.000.000	375.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.217.088.171.301</b>	<b>1.077.476.732.832</b>
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	273.631.282.001	1.359.394.897.458
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	1.075.514.581.375	71.784.037.038
<b>Cộng</b>	<b>1.349.145.863.376</b>	<b>1.431.178.934.496</b>

**6.2 Báo cáo bộ phận**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Hoạt động kinh doanh về đầu tư: Hoạt động thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T, hoạt động tài chính về hỗ trợ vốn, hợp tác đầu tư.
- Hoạt động kinh doanh về công trình XD: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng.
- Hoạt động kinh doanh dịch vụ: Cho thuê mặt bằng, kho bãi và các dịch khác.

6.2 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*

STT	Chỉ tiêu	Hoạt động đầu tư VND	Cung cấp dịch vụ VND	Thi công công trình VND	Tổng cộng VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	722.325.161.820	1.611.888.229	9.761.170.205	733.698.220.254
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	18.754.685.136	-	454.565.992	19.209.251.128
	Phân bổ chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu	18.754.685.136	-	-	18.754.685.136
	Giảm giá hàng bán	-	-	454.565.992	454.565.992
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	703.570.476.684	1.611.888.229	9.306.604.213	714.488.969.126
4	Giá vốn hàng bán	220.161.488.604	613.699.890	9.306.126.409	230.081.314.903
	Giá vốn của hoạt động thu phí	220.161.488.604	-	-	220.161.488.604
	Giá vốn thi công công trình và duy tu	-	-	9.306.126.409	9.306.126.409
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	613.699.890	613.699.890	613.699.890
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	483.408.988.080	998.188.339	477.804	484.407.654.223
6	Doanh thu hoạt động tài chính	263.081.555.769	-	-	263.081.555.769
	Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T	200.935.875.692	-	-	200.935.875.692
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.711.037.103	-	-	37.711.037.103
	Lãi phát sinh từ hợp tác đầu tư	24.434.642.974	-	-	24.434.642.974
7	Chi phí tài chính	172.927.667.518	-	-	172.927.667.518
	Chi phí lãi vay	172.896.156.884	-	-	172.896.156.884
	Lỗ từ thoái vốn công ty con	31.510.634	-	-	31.510.634
8	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(399.104.314)	-	-	(399.104.314)
9	Chi phí bán hàng	37.377.508.431	-	-	37.377.508.431
	Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	23.705.246.530	-	-	23.705.246.530
	Chi phí lương nhân viên	10.554.597.515	-	-	10.554.597.515
	Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	2.044.442.906	-	-	2.044.442.906
	Chi phí tiếp khách	257.728.747	-	-	257.728.747
	Các khoản chi phí bán hàng khác	815.492.733	-	-	815.492.733

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CUI**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**6.2 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

<b>10 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>109.734.645.102</b>	<b>-</b>	<b>7.048.790.333</b>	<b>116.783.435.435</b>
Phân bổ lợi thế thương mại	13.493.639.201			13.493.639.201
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.707.475.530			69.707.475.530
Chi phí lương nhân viên	19.250.890.214			19.250.890.214
Chi phí vật dụng, công cụ văn phòng	1.440.994.659			1.440.994.659
Chi phí thuê văn phòng	876.878.808			876.878.808
Chi phí tiếp khách	1.893.111.557			1.893.111.557
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-		7.048.790.333	7.048.790.333
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.071.655.133			3.071.655.133
<b>11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>426.051.618.484</b>	<b>998.188.339</b>	<b>(7.048.312.529)</b>	<b>420.001.494.294</b>
<b>12 Thu nhập khác</b>	<b>-</b>	<b>1.607.613.091</b>	<b>-</b>	<b>1.607.613.091</b>
Thu nhập từ cho thuê xe	-	384.000.000	-	384.000.000
Các khoản khác	-	1.223.613.091	-	1.223.613.091
<b>13 Chi phí khác</b>	<b>2.554.987.574</b>	<b>6.714.314.755</b>	<b>-</b>	<b>9.269.302.329</b>
Chi phí cho thuê tài sản	-	1.075.070.867	-	1.075.070.867
Các khoản bị phạt	2.554.987.574	-	-	2.554.987.574
Các khoản khác.	-	5.639.243.888	-	5.639.243.888
<b>14 Lợi nhuận khác</b>	<b>(2.554.987.574)</b>	<b>(5.106.701.664)</b>	<b>(7.661.689.238)</b>	<b>(7.661.689.238)</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>423.496.630.910</b>	<b>(4.108.513.325)</b>	<b>(7.048.312.529)</b>	<b>412.339.805.056</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				47.283.514.705
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(212.487.475.432)
<b>16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>577.543.765.783</b>
<b>17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>				<b>1.854</b>

**6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
<b>Công ty CP đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM</b>		
Nhận tiền gốc hỗ trợ vốn	307.140.000.000	148.772.000.000
Thanh toán tiền gốc hỗ trợ vốn	699.855.581.375	271.025.535.961
Thanh toán lãi vay, lãi trái phiếu	92.291.152.782	25.980.682.222
Thanh toán khoản lãi vốn chủ nhận bàn giao	-	6.992.659.506
Hoàn trả tiền vốn góp	-	15.348.000.000
Ứng trước tiền mua Dự án Trung Lương - Mỹ Thuận	462.850.380.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	163.459.256.672	66.892.735.486
Cho vay hỗ trợ vốn	191.600.000.000	60.000.000.000
Nhận lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	110.474.227.094	91.024.740.657
Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	1.462.016.742	8.045.259.343
Thu tiền cho thuê mặt bằng	324.990.000	564.511.200
Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong năm	-	11.755.001.131
Lãi vay hỗ trợ vốn đầu tư vào các dự án B.O.T chưa khai thác	-	6.648.118.871
Lãi vay hỗ trợ vốn, lãi trái phiếu liên quan đến xây dựng cơ bản	-	22.788.515.616
Phải trả khoản đầu tư vào Dự án Trung Lương - Mỹ Thuận	160.937.503.177	-
Lỗ phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	-	68.160.337
<b>Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII</b>		
Chi phí thi công xây dựng công trình	174.306.530.698	315.921.449.656
Thanh toán giá trị thi công xây dựng công trình	146.765.549.502	276.783.687.894
Lãi trái phiếu HNHC 2017 phải trả	12.166.666.667	12.166.666.667
Thanh toán lãi trái phiếu	12.000.000.000	12.166.666.667
Cho vay hỗ trợ vốn	22.000.000.000	12.000.000.000
Nhận lại tiền cho vay, hỗ trợ vốn	19.000.000.000	7.000.000.000
Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	225.134.723	45.047.222
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ Tầng</b>		
Chi phí thi công công trình xây lắp	215.000.000	37.146.329.331
Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	360.272.000	38.824.465.650
Chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	17.790.978.032	9.175.027.850
Thanh toán chi phí sửa chữa bảo trì	7.203.334.071	5.535.606.825
Cho vay hỗ trợ vốn	4.943.000.000	-
Thu tiền lãi cho vay, hỗ trợ vốn	16.440.278	-
Thu tiền từ cho thuê tài sản	4.400.000	176.000.000
<b>Cty TNHH MTV Đầu tư kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</b>		
Thanh toán tiền thuê văn phòng	1.666.764.120	923.148.600


**6.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**

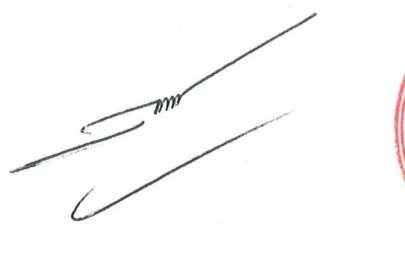
	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
<b>Công ty TNHH Dịch Vụ MCSC</b>		
Thanh toán phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	23.413.333.000	24.610.905.246
Chi phí duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ	811.531.073	5.343.758.197
Thanh toán chi phí duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ	654.857.000	5.535.102.444
Thu tiền từ cho thuê tài sản	-	316.800.000
<b>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</b>		
Lãi vay hỗ trợ vốn, lãi trái phiếu liên quan đến xây dựng cơ bản	11.944.991.575	10.682.007.073
Chi phí lãi vay và lãi hợp tác đầu tư phải trả	28.986.389.069	18.312.602.895
Nhận tiền gốc hỗ trợ vốn	149.000.000.000	375.000.000.000
Thanh toán lãi vay, lãi trái phiếu	-	13.831.851.851
Thanh toán tiền gốc hỗ trợ vốn, trái phiếu	-	121.307.037.038
<b>Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia</b>		
Chi phí thi công công trình và hàng hóa	1.258.460.007	28.196.469.985
Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	-	209.783.671
Thu tiền bán hàng hóa	36.432.001	
Thu tiền giảm giá trị nghiệm thu công trình	-	

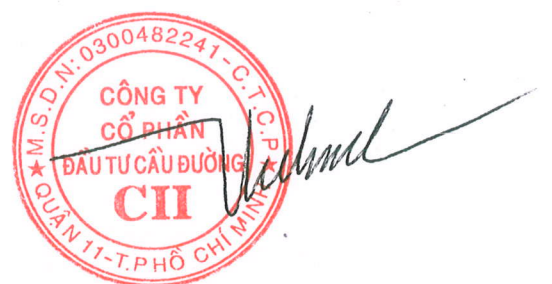
**6.4 Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</b>
Lương và thưởng	3.132.767.017	4.327.357.941

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2020

  
 Dương Thị Nhung  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Văn Chính  
 Kế toán trưởng

  
 Phạm Thế Chính  
 Tổng Giám đốc